

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/2025/TTD-GVH/CBSP

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH TTD VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 146 Giảng Võ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội

Địa chỉ sản xuất: Số 146 Giảng Võ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 372 82 999

E-mail: gm@grandvistahanoi.com

Mã số đăng ký kinh doanh: 0102747792

Ngày cấp lần đầu: 15/5/2008

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Số 21/GCNATTP-SCT. Ngày cấp: 12 tháng 05 năm 2025. Nơi cấp: Sở Công Thương thành phố Hà Nội.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **BÁNH NƯỚNG NHÂN TRÀ Ô LONG BƯỞI HỒNG TRỨNG MUỐI**

2. Thành phần: Nhân trà Ô-long bưởi hồng (66%) [gồm: đường, hạt sen, dầu thực vật, nước, quả nam việt quất khô, mút trần bì, vỏ bưởi sấy dẻo (2 – 4%), chất làm ẩm (420(ii)), maltodextrin, glucose syrup, maltose syrup, trà khô (0.5 - 1%), bột chiết xuất trà ôlong (0.5 - 1%), hương liệu tổng hợp, chất xơ lúa mì, chất điều chỉnh độ acid (339(iii), 270), chất bảo quản (202, 211), chất tạo xốp (339(i), 452(i)), muối, chất chống oxi hóa (223)], trứng muối (10%), bột mì, trứng gà, bơ lạc, nước đường, dầu ăn, nước tro tàu, chất bảo quản thực phẩm (kali sorbat (INS202)).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 30 ngày kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Khối lượng tịnh:

+ Khối lượng/cái: 80gr; 100gr; 120gr; 150gr; 180gr hoặc theo yêu cầu khách hàng;

- Quy cách đóng gói: 1 cái/hộp; 2 cái/hộp; 3 cái/hộp; 4 cái/hộp; 5 cái/hộp; 6 cái/hộp hoặc theo yêu cầu khách hàng;

- Chất liệu bao bì trực tiếp: Sản phẩm được bao gói bằng túi nilon, khay nhựa chuyên dùng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

- Chất liệu bao bì gián tiếp: hộp giấy.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (có bản mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.

92.
TY
HẠN
M
N



MẪU NHÃN DỰ KIẾN

CÔNG TY TNHH TTD VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 146 Giảng Võ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 372 82 999

E-mail: gm@grandvistahanoi.com

BÁNH NƯỚNG NHÂN TRÀ Ô LONG BƯỞI HỒNG TRỨNG MUỐI

Thành phần: Nhân trà Ô-long bưởi hồng (66%) [gồm: đường, hạt sen, dầu thực vật, nước, quả nam việt quất khô, mút trần bì, vỏ bưởi sấy dẻo (2 – 4%), chất làm ẩm (420(ii)), maltodextrin, glucose syrup, maltose syrup, trà khô (0.5 - 1%), bột chiết xuất trà ôlong (0.5 - 1%), hương liệu tổng hợp, chất xơ lúa mì, chất điều chỉnh độ acid (339(iii), 270), chất bảo quản (202, 211), chất tạo xốp (339(i), 452(i)), muối, chất chống oxi hóa (223)], trứng muối (10%), bột mì, trứng gà, bơ lạc, nước đường, dầu ăn, nước tro tàu, chất bảo quản thực phẩm (kali sorbat (INS202)).

Ngày sản xuất: in trên bao bì.

Hạn sử dụng: 30 ngày kể từ ngày sản xuất.

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản: Sản phẩm ăn liền, bảo quản ở nơi thoáng mát, sạch sẽ, tránh ánh nắng trực tiếp, tránh ẩm ướt, tốt hơn khi bảo quản trong tủ lạnh.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

Khối lượng tịnh: in trên bao bì.

Xuất xứ: Việt Nam

Thành phần dinh dưỡng:

Thành phần dinh dưỡng trong 100g	
Năng lượng	416kcal
Chất đạm	7,39g
Carbohydrat	54,2g
Chất béo	18,8g
Natri	185mg
Đường tổng số	36,8g

Số tự công bố: 03/2025/TTD-GVH/CBSP

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO/COPY

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0102747792

Đăng ký lần đầu: ngày 15 tháng 05 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 13, ngày 14 tháng 06 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TTD VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TTD VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 146 Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0903419296

Fax:

Email: vp.ttdvietnam@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 309.369.999.999 đồng.

Bằng chữ: Ba trăm lẻ chín tỷ ba trăm sáu mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: NGUYỄN VĂN TOÀN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/06/1961

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001061023677

Ngày cấp: 18/09/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 21, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 21, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN TOẢN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

Sinh ngày: 01/06/1961

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

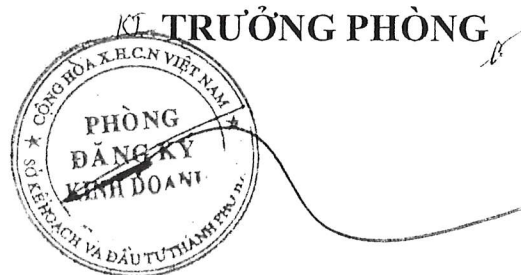
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001061023677

Ngày cấp: 18/09/2022

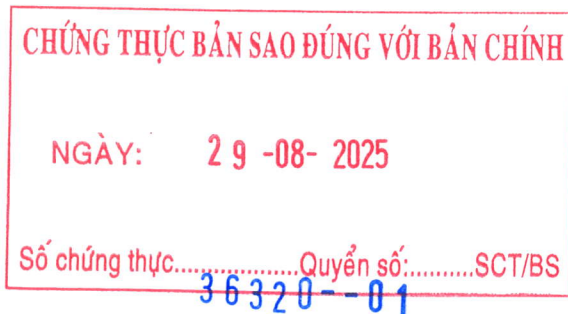
Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 21, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt
Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 21, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt
Nam



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Hữu Lương



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Huệ



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM02 LBH.09

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY TNHH TTD VIỆT NAM
Address (Địa chỉ) : Số 146 Giảng Võ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : KN142012013
Information provided by applicant : Bánh nướng nhân trà ô long buổi hồng trứng muối
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong hộp kín còn nguyên vẹn
Seal No (Số niêm) : Không niêm phong
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : -
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 12/08/2025
Sample tested on (Ngày phân tích) : 12/08/2025
Report date (Ngày trả kết quả) : 26/08/2025
Sample retention time (Thời gian lưu mẫu) : 10/09/2025

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by NATEKLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi NATEKLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NATEK Terms and Conditions. NATEK only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NATEK. NATEK chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NATEK is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NATEK

Authorized Technical Representative

Phụ trách kỹ thuật

ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH

On behalf of NATEK

Đại diện NATEK



HOÀNG VĂN HUYNH

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM02 LBH.09

Code/ Mã mẫu: KN142012013/3				
Sample name/ Tên mẫu: Bánh nướng				
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)		Bánh nướng nhân trà ô long buổi hồng trứng muối		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Trị số Axit ^(*)	TCVN 6127:2010 (ISO 660:2009)	mg KOH/g béo	/	2.03
Trị số Peroxit	NTL-HH1143 Ref. TCVN 6121:2018	meq/kg	/	1.27
Hàm lượng tro không tan trong axit HCl (10%)	NTL-HH 1093 Ref. TCVN 6175-1:2017	%	/	0.026
Hoạt độ nước ^(*)	TCVN 12758:2019 (ISO 18787:2017)	/	/	0.720
Cảm quan (Vị)	NTL-HH223 Ref.TCVN 3215:1979	/	/	Vị ngọt, đặc trưng cho sản phẩm, không có vị lạ.
Cảm quan (Màu sắc)	NTL-HH223 Ref.TCVN 3215:1979	/	/	Màu đặc trưng của sản phẩm.
Cảm quan (tạp chất)	NTL-HH223 Ref.TCVN 3215:1979	/	/	Không phát hiện tạp chất lạ.
Cảm quan (Mùi)	NTL-HH223 Ref.TCVN 3215:1979	/	/	Đặc trưng cho sản phẩm, không có mùi lạ.
Cảm quan (Trạng thái)	NTL-HH223 Ref.TCVN 3215:1979	/	/	Sản phẩm hình tròn, mềm, vỏ bánh không bị cháy, không bị biến dạng.
Chất béo ⁽¹⁾	NTL-HH1135 (Ref: AOAC 963.15)	g/100g	/	18.8
Carbohydrate	NTL-HH 280 Ref.FAO food energy 02:2003	g/100g	/	54.2
Đường tổng số ^(*)	MKL-HH1091 Ref. TCVN 4594:1988	g/100g	0.500	36.8
Chất Đạm	NTL-HH1132 (Ref: AOAC 991.20)	g/100g	/	7.39
Năng lượng ⁽¹⁾	NTL-HH 279 Ref.FAO food energy 02:2003	kcal/100g	/	416
Định lượng nấm men, mốc ⁽¹⁾	ISO 21527-2:2008	CFU/g	/	<10
Phát hiện E.coli ⁽¹⁾	ISO 7251:2005/Amd.1:2023	Phát hiện/g	eLOD50= 1 CFU/g	ND
Định lượng Bacillus cereus ⁽¹⁾	ISO 7932:2004/ Amd.1:2020	CFU/g	/	<10
Định lượng Clostridium perfringens ⁽¹⁾	ISO 15213-2:2023	CFU/g	/	<10
Định lượng Coliforms ⁽¹⁾	ISO 4832:2006	CFU/g	/	<10
Định lượng vi sinh vật hiếu khí (TPC) ở 30°C ⁽¹⁾	ISO 4833-1:2013/ Amd.1:2022	CFU/g	/	<10
Định lượng Staphylococcus aureus ⁽¹⁾	AOAC 975.55	CFU/g	/	<10
Natri (Na) ⁽¹⁾	TCVN 10916: 2015	mg/100g	0.500	185
Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	0.017

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM02 LBH.09

Code/ Mã mẫu:		KN142012013/3		
Sample name/ Tên mẫu:		Bánh nướng		
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)		Bánh nướng nhân trà ô long bưởi hồng trứng muối		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Chì (Pb) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/kg	0.010	0.072
Kali sorbat ⁽¹⁾	NTL-HH332 Ref.TCVN 8122:2009 (ISO 22855:2008)	mg/kg	3.00	538
Zearalenone ⁽¹⁾	NTL-HH619 Ref.TFAC-2008-393.R1	µg/kg	50.0	ND
Deoxynivalenol ⁽¹⁾	NTL-HH619 Ref.TFAC-2008-393.R1	µg/kg	50.0	ND
Aflatoxin tổng số ⁽¹⁾	NTL-HH619 Ref.TFAC-2008-393.R1	µg/kg	0.500	ND
Ochratoxin A ⁽¹⁾	NTL-HH619 Ref.TFAC-2008-393.R1	µg/kg	0.500	ND
Aflatoxin B1 ⁽¹⁾	NTL-HH619 Ref.TFAC-2008-393.R1	µg/kg	0.500	ND
Methyl Bromide ^(*)	MKL-HH721 Ref. Application Note 5994- 3073EN, 5990-3285EN, Agilent	µg/kg	1.00	ND

